

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 583 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trang trại chăn nuôi heo Thuận An, quy mô 5.000 con heo thịt/lúa
tại ấp 7, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
do Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại
chăn nuôi heo Thuận An, quy mô 5.000 con heo thịt/lúa tại ấp 7, xã Minh Thắng,
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An làm
chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 02/CV-TA ngày
16/3/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
115/TTr-STNMT ngày 21/3/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Trang trại chăn nuôi heo Thuận An, quy mô 5.000 con heo thịt/lúa (sau đây gọi
là Dự án) của Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An (sau đây gọi là Chủ Dự án)
thực hiện tại ấp 7, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các
nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Chỉ huy Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Minh Thắng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-23-QĐPD-24/3).


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THUẬN AN, QUY MÔ
5.000 CON HEO THỊT/LÚA TẠI ÁP 7, XÃ MINH THẮNG,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
DO CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI THUẬN AN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số5881.../QĐ-UBND ngày .29./..3.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi heo Thuận An, quy mô 5.000 con heo thịt/lúa.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An.

Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3801252501 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 10/5/2021.

Trụ sở chính: Tổ 6, ấp 3, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Thiêm; chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp 7, xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1349/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh, Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 3,9 ha trong tổng diện tích khoảng 7,38 ha, với quy mô 5.000 con heo thịt/lúa. Khu đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn Thiêm (Giám đốc Công ty) và bà Trần Thị Gái được UBND huyện Chơn Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01508/QSĐĐ/3022/QĐ-UBH ngày 30/11/2004; bà Phạm Thị Nết (thành viên Công ty) được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS-00084 ngày 19/8/2016. Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận An thực hiện thủ tục về quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án. Tọa độ khu đất được thể hiện tại khoản 8 Điều 1 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 1349/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình cưa xẻ cây, thu gom thực bì, lá, cành và rễ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hàn, quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực ép phân và chứa phân heo, khu vực hầm ủ xác heo; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình chăn nuôi; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , COD, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi:* Tổng lưu lượng khoảng $75,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, SS, BOD_5 , COD, NH_4^+ , tổng nitơ (theo N), coli phân, salmonella, tổng coliform.

- *Nước thải sinh hoạt:* Tổng lưu lượng khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng $0,269 \text{ g/s}$.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, HC.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền khoảng $2,028 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, NO_x , HC và bụi.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO , SO_2 , VOC.

- *Bụi và khí thải từ quá trình hàn xì kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO , NO_x .

- *Bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Thường phát sinh hơi dung môi (VOC_s) chứa các thành phần ô nhiễm như xylen, toluen, benzen.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO , HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , SO_2 , CO .

- *Bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Lượng bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn khoảng $0,504 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Tổng lượng khí CH_4 sinh ra từ hầm biogas của Dự án khoảng $437,89 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần chính của khí biogas là CH_4 (58% đến 60%) và CO_2 (>30%) còn lại là các chất khác như N_2 , H_2S , CO ...

- *Mùi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực hầm ủ xác heo*: Thường chứa chủ yếu các thành phần như H_2S , NH_3 , mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 50 kg/ngày , chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu thải, đá, cát...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày , thành phần bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh của Dự án khoảng 7.950 kg/ngày ; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh*: Khối lượng xác heo chết không do dịch bệnh và do các bệnh thông thường khoảng $30,03 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu của xác heo chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các khí tạo thành trong quá trình phân hủy chất hữu cơ như: NH_3 , H_2S , CO_2 ...

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Tổng khối lượng phát sinh của toàn Dự án khoảng 0,35 kg/ngày.

- *Bùn thải*: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 1,194 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 20 kg/tháng, bao gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 90 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, hóa chất; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì đựng thuốc thú y); bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại, pin thải, hộp mực in thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom vào hố lắng tạm, kết cấu đất đào, thể tích 09 m³ (kích thước: D x R x S = 02 m x 03 m x 1,5 m) để lắng các chất rắn lơ lửng. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ Dự án xây dựng 03 bể tự hoại 03 ngăn để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án với tổng thể tích 03 bể tự hoại là 09 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước

thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas để xử lý, Chủ Dự án xây dựng 03 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích là 09 m^3 được bố trí tại khu vực sau nhà ăn, tại nhà kỹ thuật, tại nhà công nhân.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế là $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý. Hệ thống xử lý có quy trình công nghệ cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Hầm biogas; Nước rửa tay, chân → Hồ điều hòa kết hợp lắng; Nước sát trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

Nước thải chăn nuôi → Hồ CT → Hầm biogas → Hồ điều hòa kết hợp lắng → Bể thiếu khí (bể anoxic) → Bể hiếu khí (bể aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý 1, 2 → Hồ chứa nước tái sử dụng. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT được tái sử dụng hoàn toàn cho hoạt động rửa chuồng, làm mát và tưới cây xanh trong khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài × rộng × sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Hồ CT	$05 \times 03 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
2	Hầm biogas	$35 \times 18 \times 06$	01	Hồ đất vát taluy, lót và phủ bạt HDPE
3	Hồ điều hòa kết hợp lắng	$40 \times 30 \times 04$	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Bể anoxic	$3,6 \times 3,6 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
5	Bể aerotank	$7,4 \times 2,6 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
6	Bể lắng sinh học	$3,6 \times 3,6 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
7	Bể keo tụ	$1,2 \times 01 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
8	Bể tạo bông	$1,2 \times 01 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
9	Bể lắng hóa lý	$2,2 \times 2,2 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
10	Bể khử trùng	$2,2 \times 1,2 \times 04$	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài × rộng × sâu)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
11	Bể chứa bùn	2,2 × 1,2 × 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
12	Hồ chứa nước thải sau xử lý 1, 2	30 × 20 × 04	02	Hồ đất, lót bạt HDPE
13	Hồ chứa nước tái sử dụng lót bạt 1 ly	10 × 15 × 03	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khuôn viên trang trại.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ quá trình cưa xẻ; thu gom thực bì, cành và rễ:* Lượng sinh khối phát sinh được vận chuyển đến nơi thu mua; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng, tưới nước giao thông nội bộ khu vực Dự án, áp dụng biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; xe chuyên chở gỗ, củi và sinh khối phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; các phương tiện đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, đảm bảo thời hạn cho phép lưu thông theo đúng quy định của pháp luật; tưới nước thường xuyên các bãi tập kết vật liệu xây dựng, tuyến đường đất với tần suất 02 lần/ngày...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động san nền và đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ các phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn xì kim loại:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra quá trình hàn xì để kịp thời xử lý sự cố nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; tưới nước thường xuyên đường giao thông nội bộ với tần suất 01 lần/ngày; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy được bố trí trong nhà đặt máy phát điện lắp đặt 01 ống khói có chiều cao khoảng 5,5 m so với mặt đất, đường kính 150 mm để hạn chế các tác động đến môi trường không khí.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi sinh ra trong quá trình nhập nguyên liệu thức ăn:* Thường xuyên kiểm tra máng ăn, thiết bị cho heo ăn, điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp tránh quá tải; phun nước sân bãi, đường nội bộ của trại vào mùa nắng...

- *Biện pháp xử lý khí gas từ hầm biogas:* Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu trong quá trình nấu ăn của trang trại; trường hợp sau khi sử dụng khí gas còn thừa, Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hầm biogas và hầm hủy xác:*

Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại; tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; không chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM cho các chuồng nuôi và phun lên mình heo với tần suất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh,

phun với tần suất 02 lần/ngày khi có dịch bệnh; bố trí hệ thống thông gió bằng 04 quạt/mỗi chuồng nuôi, trang bị quạt hút, công suất 1,5 HP/quạt ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải; phun chế phẩm EM với tần suất 02 lần/ngày vào những vị trí phát sinh mùi hôi.

Khu vực chứa phân: Phân heo được thu gom hằng ngày sau đó được khử trùng bằng vôi bột rồi đóng bao ngay, phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực máy ép phân: Phân heo sau ép được đóng bao ngay, phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hồ hủy xác: Rắc vôi bên trong và trên bề mặt khu vực hồ hủy xác với khối lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$ hoặc phun chlorine nồng độ 02% với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² khi xử lý xác heo chết không do dịch bệnh; xác heo chết do bệnh thông thường để hạn chế mùi hôi phát sinh, trồng cây xanh xung quanh khu vực hồ hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít, có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng với tần suất 01 tuần/lần để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm

2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Phân heo và nước thải hàng ngày theo hệ thống mương thu từ chuồng gom về hố CT. Sau đó, phân được bơm lên máy ép phân (đặt tại nhà để máy ép phân với diện tích khoảng 50 m²); nước thải từ máy ép phân được dẫn về hầm biogas để xử lý. Lượng phân sau ép được khử trùng bằng vôi bột với tần suất 01 lần/ngày và phun chế phẩm vi sinh EM với tần suất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh, 02 lần/ngày khi có dịch bệnh để khử mùi, sau đó đóng bao và lưu trữ trong nhà chứa phân, diện tích khoảng 50 m², kết cấu: nền xi măng, khung kèo tổ hợp, mái lợp tôn, tường bao che xây gạch, sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh và xác heo chết do bệnh thông thường*: Xác heo chết không do dịch bệnh và xác heo chết do bệnh thông thường được bỏ vào hố hủy xác để xử lý theo đúng quy định. Hố hủy xác có kích thước: D x R x S = 10 m x 05 m x 04 m, có 01 cửa được xây bằng gạch, kết cấu: bê tông, chống thấm, cửa đóng kín. Heo chết do các bệnh thông thường, các bệnh không thuộc quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn cũng được đưa vào hố hủy xác để xử lý.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi chủ trang trại nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước: D x R x S = 2,2 m x 1,2 m x 04 m, kết cấu: bê tông cốt thép có quét vật liệu chống thấm.

Chủ Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích. Trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ Dự án ép bùn, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom vào các thùng chứa rác, dung tích 120 lít (mỗi khu trại 03 thùng rác 120 lít) bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực của khu trại để thu gom rác thải, sau đó được thu gom về nhà để chất thải rắn thông thường diện tích 20 m². Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định; tần suất 02 lần/tuần.

- *Chất thải rắn thông thường*: Được thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa, dung tích 120 lít, đặt trong nhà chứa chất thải rắn thông thường, diện tích nhà chứa chất thải rắn thông thường là 20 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn; cửa ra vào khung sắt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 60 lít và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m², kết cấu: nền bê tông, tường xây, mái lợp tôn, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Nhà chứa chất thải nguy hại được sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 15 m². Kết cấu của nhà chứa chất thải nguy hại là: nền bê tông, tường xây, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và rãnh thu gom chất thải tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung của thiết bị, máy móc, phương tiện thi công:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn các thiết bị giảm thanh để mức ồn đạt tiêu chuẩn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Chuồng trại được che chắn nhằm giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hố hủy xác:* Hướng dẫn công nhân thực hiện hủy xác heo chết theo đúng quy trình, rắc vôi bột thường xuyên để hạn chế mùi hôi phát sinh; khi xảy ra sự cố cần bố trí nhân viên kỹ thuật khắc phục kịp thời...



- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cấp giấy phép môi trường cho Dự án để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực chuồng trại, 01 điểm tại khu để máy ép phân, 01 điểm tại khu vực hầm ủ xác.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH₄, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella..

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.2.3. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây trong khu vực Dự án.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.2.4. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại giếng khoan của Dự án.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrit, nitrat, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại tại dự án.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện kèm theo:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện thiết kế công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng này để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra; phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

6.2. Chủ Dự án phải bố trí trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với khu vực hầm hủy xác phải bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường, đồng thời phải có biện pháp phòng ngừa sự cố và có biện pháp xử lý khi hầm hủy đầy.

6.3. Trong quá trình đi vào hoạt động, yêu cầu Chủ Dự án phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát nước thải, mùi hôi và các tác động khác phát sinh từ Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực xung quanh. Nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý theo các nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

7.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.2. Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

7.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định hiện hành.

7.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

7.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

7.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 22/UBND ngày 21/6/2021 của UBND xã Minh Thắng về việc ý kiến tham vấn về Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 5.000 con tại xã Minh Thắng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 15/6/2021 tại UBND xã Minh Thắng. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

7.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, cấp phép trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.